

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN
SIÊU THANH



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	15 - 34
8. Phụ lục	35 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Siêu Thanh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302563707, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 3 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 29 tháng 7 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 138.013.850.000 VND

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh từ ngày 10 tháng 12 năm 2007 với mã chứng khoán là ST8.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-8) 6262 8888
Fax : (84-8) 6262 5888
E-mail : info@st8.vn
Mã số thuế : 0302563707

Các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty cổ phần Siêu Thanh – Chi nhánh Vũng Tàu	33 Trần Hưng Đạo, phường 1, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Chi nhánh Công ty cổ phần Siêu Thanh tại TP. Đà Nẵng	36A Duy Tân, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Cần Thơ – Công ty cổ phần Siêu Thanh	200 Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Công ty cổ phần Siêu Thanh – Chi nhánh Đồng Nai	97/482A khu phố 4, phường Tân Mai, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Công ty cổ phần Siêu Thanh tại Hà Nội	591 Lạc Long Quân, phường Xuân La, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội
Công ty cổ phần Siêu Thanh – Chi nhánh Bình Dương	Lô NP5, Ô16, đường 30 tháng 4, trung tâm đô thị Becamex, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Công ty cổ phần Siêu Thanh – Chi nhánh Long An	17A đường số 3, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An
Công ty cổ phần Siêu Thanh – Chi nhánh Tây Hà Nội	Số 11 lô 13A khu đô thị Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Công ty cổ phần Siêu Thanh – Chi nhánh An Giang	Số 191 Trần Hưng Đạo, khóm Bình Long 2, phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Mua bán thiết bị văn phòng, máy photocopy, máy vi tính, vật tư ngành in và phụ tùng, máy fax, máy chụp ảnh, máy quay phim, điện thoại, máy nông ngư cơ; thiết bị máy công nghiệp khai khoáng - lâm nghiệp - xây dựng và linh kiện phụ tùng; thiết bị điện, vật liệu điện, thiết bị chữa cháy;
- Mua bán máy vi tính;
- Mua bán điện thoại, máy quay phim, máy chụp ảnh, điện tử gia dụng;
- Mua bán máy nông ngư cơ;
- Mua bán văn phòng phẩm, hàng kim khí điện máy, hóa mỹ phẩm;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị văn phòng;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy fax;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy quay phim, máy chụp ảnh;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Cho thuê thiết bị văn phòng;
- Lắp ráp thiết bị văn phòng;
- Lắp ráp máy fax;
- Lắp ráp máy chụp hình, quay phim;
- Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ quảng cáo;
- Sửa chữa bảo dưỡng thiết bị chữa cháy;
- Kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện khoản 1 điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Xây dựng nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy (không rèn, đúc, cán kéo kim loại, đập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Lắp ráp mô-tơ.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Ngày 29 tháng 10 năm 2014, Công ty đã góp vốn thành lập Công ty cổ phần thiết bị văn phòng Siêu Thanh (công ty con) và chuyển phần lớn hoạt động kinh doanh sang công ty này.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 38).

Trong năm, Công ty đã chia cổ tức bằng tiền mặt và cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 154/BQ-ĐHĐCĐ/ST ngày 28 tháng 4 năm 2014, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 172/NQ-HĐQT-ST ngày 14 tháng 5 năm 2014 và Nghị quyết số 450/NQ-HĐQT/ST ngày 20 tháng 10 năm 2014. Đồng thời, Công ty cũng trích lập quỹ dự phòng tài chính theo Điều lệ Công ty. Chi tiết như sau:

	Đơn vị tính: VND
Cổ tức năm 2014 bằng tiền (2.000 VND/cổ phiếu)	26.231.908.000
Cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu (tỷ lệ 10%)	12.488.620.000
Trích quỹ dự phòng tài chính	1.248.862.000
Cộng	39.969.390.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Yung Cam Meng	Chủ tịch	18 tháng 4 năm 2013 ^(*)	-
Ông David Cam Hao Ong	Phó Chủ tịch	18 tháng 4 năm 2013 ^(*)	-
Bà Phạm Thị Mai Duyên	Phó Chủ tịch	18 tháng 4 năm 2013 ^(*)	28 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Hồ Thanh Huy	Thành viên	18 tháng 4 năm 2013	28 tháng 4 năm 2014
Ông Hứa Đức Huy	Thành viên	18 tháng 4 năm 2013	26 tháng 9 năm 2014
Ông Lê Văn Hà	Thành viên	28 tháng 4 năm 2014	-
Ông Đỗ Quốc Lâm	Thành viên	28 tháng 4 năm 2014	-
Ông Nguyễn Hữu Nam	Thành viên	28 tháng 4 năm 2014	-
Ông Nguyễn Đình Nhu	Thành viên	28 tháng 4 năm 2014	-
Ông Võ Văn Chính	Thành viên	26 tháng 9 năm 2014	-
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Thành viên	26 tháng 9 năm 2014	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Phạm Thị Thanh Hương	Trưởng ban	18 tháng 4 năm 2013 ^(*)	-
Bà Cái Kim Thoa	Thành viên	18 tháng 4 năm 2013 ^(*)	-
Bà Nguyễn Hồng Cúc Phương	Thành viên	18 tháng 4 năm 2013	-

^(*) Ngày tái bổ nhiệm

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông David Cam Hao Ong	Tổng Giám đốc	01 tháng 01 năm 2007	28 tháng 4 năm 2014
Ông Yung Cam Meng	Tổng Giám đốc	28 tháng 4 năm 2014	-
Ông Đỗ Quốc Lâm	Giám đốc điều hành	01 tháng 01 năm 2007	26 tháng 9 năm 2014
Ông Phạm Vĩnh Phú	Giám đốc điều hành	26 tháng 9 năm 2014	04 tháng 11 năm 2014
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Giám đốc tài chính	28 tháng 4 năm 2014	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần Siêu Thanh tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Yung Cam Meng
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2015





Số: 0248/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Siêu Thanh, được lập ngày 04 tháng 02 năm 2015, từ trang 08 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Siêu Thanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Bùi Văn Khá – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

Nguyễn Phước Hồng Hạnh - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2058-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2015

984
: Ô
H NH
. TO
A
INH

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		86.163.201.323	136.164.672.256
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	63.862.391.455	72.963.128.179
1. Tiền	111		20.779.010.355	18.624.927.861
2. Các khoản tương đương tiền	112		43.083.381.100	54.338.200.318
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		19.808.683.301	27.328.401.438
1. Phải thu của khách hàng	131	V.2	14.414.084.602	24.627.640.964
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	1.525.242.893	203.716.661
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	4.121.225.052	3.140.713.900
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(251.869.246)	(643.670.087)
IV. Hàng tồn kho	140		-	34.204.025.741
1. Hàng tồn kho	141		-	36.605.371.032
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(2.401.345.291)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.492.126.567	1.669.116.898
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	548.091.934	553.353.607
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	72.870.129
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.16	5.958.737	50.176.243
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	1.938.075.896	992.716.919

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		227.430.722.492	159.111.108.106
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.102.986.902	1.999.291.302
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.8	4.102.986.902	1.999.291.302
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		20.786.258.417	30.652.615.638
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	7.495.917.557	17.362.274.778
<i>Nguyên giá</i>	222		13.050.086.563	31.617.923.591
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(5.554.169.006)	(14.255.648.813)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	IV.8	13.290.340.860	13.290.340.860
<i>Nguyên giá</i>	228		13.290.340.860	13.290.340.860
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240	V.10	67.736.283.633	69.864.347.637
<i>Nguyên giá</i>	241		75.781.699.978	75.781.699.978
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(8.045.416.345)	(5.917.352.341)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		133.632.468.540	52.524.244.755
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	130.312.000.000	51.112.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	8.080.800.000	8.080.800.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.13	(4.760.331.460)	(6.668.555.245)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.172.725.000	4.070.608.774
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	2.967.883.774
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.14	1.172.725.000	1.102.725.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		313.593.923.815	295.275.780.362

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		29.078.305.560	37.185.173.077
I. Nợ ngắn hạn	310		27.295.241.344	35.508.173.053
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.15	11.270.866.675	16.949.663.457
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	8.541.435.542	8.364.423.971
5. Phải trả người lao động	315		-	4.165.183.000
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	3.818.546.404	2.364.509.902
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.664.392.723	3.664.392.723
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.783.064.216	1.677.000.024
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.18	1.083.771.000	1.083.771.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.19	699.293.216	593.229.024
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		284.515.618.255	258.090.607.285
I. Vốn chủ sở hữu	410		284.515.618.255	258.090.607.285
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.20	138.013.850.000	125.525.230.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20	2.572.620.000	2.572.620.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.20	(2.206.190.840)	(2.206.190.840)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.20	3.880.961.542	3.880.961.542
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.20	13.801.385.000	12.552.523.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.20	128.452.992.553	115.765.463.583
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		313.593.923.815	295.275.780.362

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)


CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


CHỈ TIÊU	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
	minh		
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		87.133.654	87.133.654
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		845,34	884,46
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 02 năm 2015




Trịnh Thị Thanh Nhân
Người lập biểu


Đinh Thị Hồng Vân
Kế toán trưởng


Yung Cam Meng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Năm 2014


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	240.047.010.538	245.686.555.727
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	598.896.138	348.931.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	239.448.114.400	245.337.624.727
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	103.343.481.982	115.486.370.339
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		136.104.632.418	129.851.254.388
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.792.526.695	7.241.792.676
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(1.902.382.325)	716.623.154
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	41.706.976.772	40.673.595.739
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	36.894.700.675	31.438.862.832
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		66.197.863.991	64.263.965.339
11. Thu nhập khác	31	VI.7	4.277.424.932	2.204.065.060
12. Chi phí khác	32	VI.8	3.666.826.652	1.787.244.311
13. Lợi nhuận khác	40		610.598.280	416.820.749
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		66.808.462.271	64.680.786.088
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	14.151.543.301	15.526.201.104
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>52.656.918.970</u>	<u>49.154.584.984</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 02 năm 2015


Trịnh Thị Thanh Nhân
Người lập biểu


Đinh Thị Hồng Vân
Kế toán trưởng


Yung Cẩm Meng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		66.808.462.271	64.680.786.088
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9, V.10	7.164.590.179	7.404.153.253
- Các khoản dự phòng	03	V.5, V.13	(2.712.566.943)	434.527.866
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(7.687.280.594)	(7.599.772.934)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		63.573.204.913	64.919.694.273
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.994.561.772	(2.484.005.654)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(16.197.220.815)	(10.904.196.351)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(8.549.233.086)	7.418.053.598
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(804.972.414)	(1.038.642.478)
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.16	(14.122.409.740)	(15.672.952.742)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		7.015.663.507	1.325.427.179
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(6.690.441.335)	(1.487.023.443)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		29.219.152.802	42.076.354.382
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9	(1.189.814.358)	(2.275.971.421)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	4.268.315.309	2.061.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(21.795.974.863)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	6.626.492.286	7.111.760.890
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12.090.981.626)	6.897.607.651

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân.Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh


BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

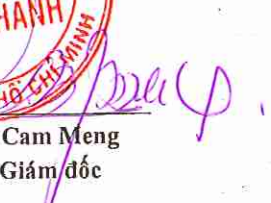
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20	(26.228.907.900)	(23.794.005.975)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u>(26.228.907.900)</u>	<u>(23.794.005.975)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(9.100.736.724)	25.179.956.058
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	72.963.128.179	47.783.172.121
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>63.862.391.455</u>	<u>72.963.128.179</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 02 năm 2015


Trịnh Thị Thanh Nhân
Người lập biểu


Đinh Thị Hồng Vân
Kế toán trưởng


Yung Cam Meng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần.
2. Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại, dịch vụ.
3. Ngành nghề kinh doanh : Mua bán thiết bị văn phòng, máy photocopy, máy vi tính, vật tư ngành in và phụ tùng, máy fax, máy chụp ảnh, máy quay phim, linh kiện phụ tùng; văn phòng phẩm, thiết bị điện, vật liệu điện, hàng kim khí điện máy, điện tử gia dụng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị văn phòng, máy fax, máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế; Cho thuê thiết bị văn phòng; Mua bán, sửa chữa bảo dưỡng thiết bị chữa cháy; Lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy (không rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở).
4. Nhân viên
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 08 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 453 nhân viên).
5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính
Ngày 29 tháng 10 năm 2014, Công ty đã góp vốn thành lập Công ty cổ phần thiết bị văn phòng Siêu Thanh (công ty con) và chuyển phần lớn hoạt động kinh doanh sang công ty này.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. **Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.
3. **Hàng tồn kho**
Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. **Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**
Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.



CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 04
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	46
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

8. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

11. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm	Không có mức trích lập tối đa
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	05%	Cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm	Không có mức trích lập tối đa

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.081 VND/USD
31/12/2014 : 21.405 VND/USD

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.6.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	192.207.752	200.543.340
Tiền gửi ngân hàng	20.586.802.603	18.424.384.521
Các khoản tương đương tiền (*)	43.083.381.100	54.338.200.318
Cộng	63.862.391.455	72.963.128.179

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khách hàng của Trụ sở chính tại TP. Hồ Chí Minh	5.278.568.567	18.285.636.942
Các khách hàng của Chi nhánh tại TP. Hà Nội	2.449.641.454	1.836.412.628
Các khách hàng của Chi nhánh tại TP. Đà Nẵng	690.590.216	345.844.070
Các khách hàng của Chi nhánh tại TP. Vũng Tàu	1.298.535.806	1.332.465.061
Các khách hàng của Chi nhánh tại tỉnh Đồng Nai	962.268.857	779.687.506
Các khách hàng của Chi nhánh tại tỉnh Bình Dương	1.041.157.010	676.001.405
Các khách hàng của Chi nhánh tại TP. Cần Thơ	1.261.255.390	687.065.116
Các khách hàng của Chi nhánh tại tỉnh Long An	312.685.831	130.200.714
Các khách hàng của Chi nhánh Tây Hà Nội	976.272.743	554.327.522
Các khách hàng của Chi nhánh tại tỉnh An Giang	143.108.728	-
Cộng	14.414.084.602	24.627.640.964

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Trả trước người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Ricoh Việt Nam	1.350.120.843	-
Các nhà cung cấp khác	175.122.050	203.716.661
Cộng	<u>1.525.242.893</u>	<u>203.716.661</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần ô tô Kim Thanh – tiền cho mượn	-	3.000.000.000
Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh – tiền cho vay	4.100.000.000	-
Các khoản phải thu khác	21.225.052	140.713.900
Cộng	<u>4.121.225.052</u>	<u>3.140.713.900</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	29.745.119	125.393.861
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	147.319.834	208.745.796
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	-	168.475.279
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	74.804.293	141.055.151
Cộng	<u>251.869.246</u>	<u>643.670.087</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

Số đầu năm	643.670.087
Hoàn nhập dự phòng	(391.800.841)
Số cuối năm	<u>251.869.246</u>

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	-	13.174.073
Chi phí thuê nhà, văn phòng	548.091.934	540.179.534
Cộng	<u>548.091.934</u>	<u>553.353.607</u>

7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	1.588.990.955	658.641.714
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	316.053.422	301.043.686
Tài sản thiếu chờ xử lý	33.031.519	33.031.519
Cộng	<u>1.938.075.896</u>	<u>992.716.919</u>

8. Phải thu dài hạn khác

Các khoản cho nhân viên mượn tiền không thu lãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	11.861.138.773	13.285.957.548	6.470.827.270	31.617.923.591
Mua sắm mới	-	182.196.362	1.007.617.996	1.189.814.358
Tăng từ hàng tồn kho chuyển qua làm tài sản cho thuê	-	4.353.539.863	-	4.353.539.863
Thanh lý, nhượng bán	(2.827.152.000)	-	(3.462.345.476)	(6.289.497.476)
Giảm tài sản cho thuê về nhập kho chờ bán	-	(2.179.100.706)	-	(2.179.100.706)
Giảm do góp vốn	-	(15.642.593.067)	-	(15.642.593.067)
Số cuối năm	9.033.986.773	-	4.016.099.790	13.050.086.563
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.461.421.000	-	1.103.693.070	2.565.114.070
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	3.839.520.394	7.034.468.875	3.381.659.544	14.255.648.813
Khấu hao trong năm	390.409.543	3.621.566.632	1.024.550.000	5.036.526.175
Thanh lý, nhượng bán	(633.107.000)	-	(2.448.863.475)	(3.081.970.475)
Giảm tài sản cho thuê về nhập kho chờ bán	-	(1.586.984.101)	-	(1.586.984.101)
Giảm do góp vốn	-	(9.069.051.406)	-	(9.069.051.406)
Số cuối năm	3.596.822.937	-	1.957.346.069	5.554.169.006
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	8.021.618.379	6.251.488.673	3.089.167.726	17.362.274.778
Số cuối năm	5.437.163.836	-	2.058.753.721	7.495.917.557
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	49.461.000.000	26.320.699.978	75.781.699.978
Số cuối năm	49.461.000.000	26.320.699.978	75.781.699.978
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.150.472.000	3.766.880.341	5.917.352.341
Khấu hao trong năm	1.075.236.000	1.052.828.004	2.128.064.004
Số cuối năm	3.225.708.000	4.819.708.345	8.045.416.345
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	47.310.528.000	22.553.819.637	69.864.347.637
Số cuối năm	46.235.292.000	21.500.991.633	67.736.283.633

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần ô tô Kim Thanh ^(a)	2.852.000	28.520.000.000	2.852.000	28.520.000.000
Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh ^(b)	2.259.200	22.592.000.000	2.259.200	22.592.000.000
Công ty cổ phần thiết bị văn phòng Siêu Thanh ^(c)	7.920.000	79.200.000.000	-	-
Cộng		130.312.000.000		51.112.000.000

(a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103010901 ngày 24 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần ô tô Kim Thanh là 28.520.000.000 VND, tương đương 55,06% vốn điều lệ.

(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305273107 ngày 24 tháng 10 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh là 22.592.000.000 VND, tương đương 58,23% vốn điều lệ.

(c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312992783 ngày 29 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần thiết bị văn phòng Siêu Thanh là 79.200.000.00 VND, tương đương 90,00% vốn điều lệ.

12. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần Điện Cơ	258.900	3.580.800.000	258.900	3.580.800.000
Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh điện lực TP. Hồ Chí Minh	450.000	4.500.000.000	450.000	4.500.000.000
Cộng		8.080.800.000		8.080.800.000

13. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	6.668.555.245
Hoàn nhập dự phòng	(1.908.223.785)
Số cuối năm	4.760.331.460

14. Tài sản dài hạn khác

Tiền đặt cọc thuê văn phòng.

15. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Ricoh Việt Nam	-	16.941.681.457
Công ty cổ phần thiết bị văn phòng Siêu Thanh	11.264.426.835	-
Các nhà cung cấp khác	6.439.840	7.982.000
Cộng	11.270.866.675	16.949.663.457

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THÀNH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.724.843.385	12.662.434.192	(11.748.200.991)	2.639.076.586
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.690.371.035	14.151.543.301	(14.122.409.740)	5.719.504.596
Thuế thu nhập cá nhân (*)	899.033.308	3.629.936.548	(4.352.074.233)	176.895.623
Các loại thuế khác	-	12.000.000	(12.000.000)	-
Cộng	8.314.247.728	30.455.914.041	(30.234.684.964)	8.535.476.805

(*) Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa cuối năm và đầu năm lần lượt là 5.958.737 VND và 50.176.243 VND được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng trong khu chế xuất	0%
- Cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng ngoài khu ngoài chế xuất trong nước	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	66.808.462.271	64.680.786.088
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	548.734.550	242.526.173
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.032.000.000)	(3.032.000.000)
Thu nhập chịu thuế	64.325.196.821	61.891.312.261
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	14.151.543.301	15.472.828.065
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước	-	53.373.039
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	14.151.543.301	15.526.201.104

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	105.316.809
Cổ tức phải trả	21.435.775	18.435.675
Nhận ký quỹ, ký cược	1.930.597.775	1.773.228.285
Các khoản phải trả khác	1.866.512.854	467.529.133
Cộng	3.818.546.404	2.364.509.902

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ tiền cho thuê quyền sử dụng một phần lô đất tại quận 8, TP. Hồ Chí Minh của Công ty TNHH nhà hàng Vọng Các.

19. Doanh thu chưa thực hiện

Tiền cho thuê mặt bằng nhận trước.

20. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm trang 35.

Trong năm Công ty đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:01 (cổ đông hiện hữu sở hữu 10 cổ phần được nhận 01 cổ phiếu phát hành thêm) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 154/BQ-ĐHĐCĐ/ST ngày 28 tháng 4 năm 2014 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 172/NQ-HĐQT-ST ngày 14 tháng 5 năm 2014. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 12.488.620.000 VND. Ngày 29 tháng 7 năm 2014 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 16 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 138.013.850.000 VND.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm là 26.228.907.900 VND.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.801.385	12.552.523
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.801.385	12.552.523
- Cổ phiếu phổ thông	13.801.385	12.552.523
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	61.000	61.000
- Cổ phiếu phổ thông	61.000	61.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.740.385	12.491.523
- Cổ phiếu phổ thông	13.740.385	12.491.523
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm là doanh thu của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp.

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ là giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	158.891.985	104.590.298
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.545.314.517	4.079.760.890
Lãi cho vay	49.177.769	-
Lãi bán hàng trả chậm	6.762.696	25.441.488
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.032.000.000	3.032.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	379.728	-
Cộng	<u>6.792.526.695</u>	<u>7.241.792.676</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(1.908.223.785)	716.461.718
Các chi phí tài chính khác	5.841.460	161.436
Cộng	<u>(1.902.382.325)</u>	<u>716.623.154</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	38.227.124.898	36.395.036.521
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48.053.833	67.024.031
Chi phí dịch vụ mua ngoài	984.415.129	1.387.496.080
Chi phí khác	2.447.382.912	2.824.039.107
Cộng	<u>41.706.976.772</u>	<u>40.673.595.739</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	16.515.401.387	16.045.690.297
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.402.894.954	1.305.970.829
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.602.019.481	2.209.318.037
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.759.282.052	9.156.353.837
Chi phí khác	7.615.102.801	2.721.529.832
Cộng	<u>36.894.700.675</u>	<u>31.438.862.832</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.268.315.309	2.061.818.182
Thu nhập khác	9.109.623	142.246.878
Cộng	<u>4.277.424.932</u>	<u>2.204.065.060</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	3.207.527.001	1.573.806.138
Chi phí khác	459.299.651	213.438.173
Cộng	<u>3.666.826.652</u>	<u>1.787.244.311</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp Doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.450.948.787	1.372.994.860
Chi phí nhân công	54.742.526.285	52.440.726.818
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.164.590.179	7.404.153.253
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.743.697.181	10.543.849.917
Chi phí khác	10.062.485.713	5.545.568.939
Cộng	84.164.248.145	77.307.293.787

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

Góp vốn bằng tài sản	6.573.541.661
Góp vốn bằng chi phí trả trước	3.778.117.861
Góp vốn bằng hàng tồn kho	47.052.365.615

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan là 3.434.430.000 VND (số đầu năm là 622.760.000 VND).

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm này là 5.955.304.229 VND (năm trước là 5.955.265.771 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần ô tô Kim Thanh	Công ty con
Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh	Công ty con
Công ty cổ phần thiết bị văn phòng Siêu Thanh	Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty cổ phần ô tô Kim Thanh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	90.995.600	83.510.244
Mua hàng hóa và dịch vụ	44.195.030	45.445.567
Mua tài sản	867.272.727	863.636.364
Cho vay, mượn tiền	31.000.000.000	13.100.000.000
Nhận cổ tức	2.852.000.000	2.852.000.000
Lãi cho vay	37.555.556	-
Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh		
Mua hàng hóa	14.725.111	31.195.064
Mua tài sản	-	804.545.455
Bán hàng hóa và dịch vụ	3.969.370.760	4.233.126.223
Cho vay, mượn tiền	18.800.000.000	9.600.000.000
Lãi cho vay	11.622.213	-
Công ty cổ phần thiết bị văn phòng Siêu Thanh		
Mua hàng hóa và dịch vụ	10.240.388.032	-
Bán hàng hóa và dịch vụ	234.363.636	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	358.000.000	358.000.000
Phải thu tiền cho vay	4.100.000.000	-
Cộng nợ phải thu	4.458.000.000	358.000.000
Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh		
Phải trả tiền mượn	-	3.000.000.000
Công ty cổ phần thiết bị văn phòng Siêu Thanh		
Phải trả tiền mua hàng	11.264.426.835	-
Cộng nợ phải trả	11.264.426.835	3.000.000.000

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Bắc (bao gồm từ Đà Nẵng trở ra) và khu vực miền Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty được thể hiện ở Phụ lục 02 đính kèm từ trang 36 đến trang 38.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ tập trung chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh là mua bán thiết bị văn phòng, máy photocopy,...

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách yêu cầu ứng trước tiền hàng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Công ty cho công ty con mượn tiền. Đơn vị này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	63.862.391.455	-	-	-	63.862.391.455
Phải thu khách hàng	13.945.490.246	-	-	468.594.356	14.414.084.602
Các khoản cho vay	4.100.000.000	-	-	-	4.100.000.000
Các khoản phải thu khác	5.591.765.324	-	-	-	5.591.765.324
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	8.080.800.000	-	-	-	8.080.800.000
Cộng	95.580.447.025	-	-	468.594.356	96.049.041.381
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	72.963.128.179	-	-	-	72.963.128.179
Phải thu khách hàng	23.410.435.713	-	-	1.217.205.251	24.627.640.964
Các khoản phải thu khác	6.543.773.888	-	-	-	6.543.773.888
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	8.080.800.000	-	-	-	8.080.800.000
Cộng	110.998.137.780	-	-	1.217.205.251	112.215.343.031

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	11.270.866.675	-	-	11.270.866.675
Các khoản phải trả khác	3.818.546.404	1.083.771.000	-	4.902.317.404
Cộng	15.089.413.079	1.083.771.000	-	16.173.184.079
Số đầu năm				
Phải trả người bán	16.949.663.457	-	-	16.949.663.457
Các khoản phải trả khác	2.259.193.093	1.083.771.000	-	3.342.964.093
Cộng	19.208.856.550	1.083.771.000	-	20.292.627.550

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

Các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn có lãi suất thả nổi với số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 lần lượt là 54.338.200.318 VND và 43.083.381.100 VND.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm gửi và kỳ hạn gửi thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do các khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	63.862.391.455	-	72.963.128.179	-	63.862.391.455	72.963.128.179
Phải thu khách hàng	14.414.084.602	(251.869.246)	24.627.640.964	(643.670.087)	14.162.215.356	23.983.970.877
Các khoản cho vay	4.100.000.000	-	-	-	4.100.000.000	-
Các khoản phải thu khác	5.591.765.324	-	6.543.773.888	-	5.591.765.324	6.543.773.888
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	8.080.800.000	-	8.080.800.000	-	8.080.800.000	8.080.800.000
Cộng	96.049.041.381	(251.869.246)	112.215.343.031	(643.670.087)	95.797.172.135	111.571.672.944

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	11.270.866.675	16.949.663.457	11.270.866.675	16.949.663.457
Các khoản phải trả khác	4.902.317.404	3.342.964.093	4.902.317.404	3.342.964.093
Cộng	16.173.184.079	20.292.627.550	16.173.184.079	20.292.627.550


Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.


Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng giá trị sổ sách trừ khoản chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 03 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 02 năm 2015


Trịnh Thị Thanh Nhân
Người lập biểu


Đinh Thị Hồng Vân
Kế toán trưởng


Yung Cam Meng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh
BAO CAO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	119.579.020.000	2.572.620.000	(2.206.190.840)	3.880.961.542	11.957.902.000	96.945.513.599	232.729.826.301	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	49.154.584.984	49.154.584.984	
Tăng vốn từ lợi nhuận	5.946.210.000	-	-	-	-	(5.946.210.000)	-	
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	594.621.000	(594.621.000)	-	
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(23.793.804.000)	(23.793.804.000)	
Số dư cuối năm trước	125.525.230.000	2.572.620.000	(2.206.190.840)	3.880.961.542	12.552.523.000	115.765.463.583	258.090.607.285	
Số dư đầu năm nay	125.525.230.000	2.572.620.000	(2.206.190.840)	3.880.961.542	12.552.523.000	115.765.463.583	258.090.607.285	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	52.656.918.970	52.656.918.970	
Tăng vốn từ lợi nhuận	12.488.620.000	-	-	-	-	(12.488.620.000)	-	
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.248.862.000	(1.248.862.000)	-	
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(26.231.908.000)	(26.231.908.000)	
Số dư cuối năm nay	138.013.850.000	2.572.620.000	(2.206.190.840)	3.880.961.542	13.801.385.000	128.452.992.553	284.515.618.255	

Trịnh Thị Thanh Nhân

Trịnh Thị Thanh Nhân
Người lập biểu

Đinh Thị Hồng Vân

Đinh Thị Hồng Vân
Kế toán trưởng

Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 02 năm 2015



Yung Cam Meng

Yung Cam Meng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

	Miền Bắc	Miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	46.394.956.390	193.053.158.010	-	239.448.114.400
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	80.927.979.885	(80.927.979.885)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	46.394.956.390	273.981.137.895	(80.927.979.885)	239.448.114.400
Chi phí bộ phận	39.705.833.792	142.239.325.637	-	57.502.954.971
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	6.689.122.598	50.813.832.373	-	57.502.954.971
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				57.502.954.971
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				6.792.526.695
Doanh thu hoạt động tài chính				1.902.382.325
Chi phí tài chính				4.277.424.932
Thu nhập khác				(3.666.826.652)
Chi phí khác				(14.151.543.301)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				52.656.918.970
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	885.348.507	31.922.389.442	-	32.807.737.949
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	956.280.203	15.513.706.714	-	16.469.986.917
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp theo)

	Miền Bắc	Miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	38.159.026.647	207.178.598.080	-	245.337.624.727
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	70.507.125.666	(70.507.125.666)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	38.159.026.647	277.685.723.746	(70.507.125.666)	245.337.624.727
Chi phí bộ phận	46.100.952.375	212.005.002.201	-	57.738.795.817
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(7.941.925.728)	65.680.721.545	-	57.738.795.817
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				7.241.792.676
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(716.623.154)
Doanh thu hoạt động tài chính				2.204.065.060
Chi phí tài chính				(1.787.244.311)
Thu nhập khác				(15.526.201.104)
Chi phí khác				49.154.584.984
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.229.055.926	8.030.563.780	-	9.259.619.706
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	493.327.000	8.232.996.650	-	8.726.323.650
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-



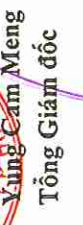
Trịnh Thị Thanh Nhân
Người lập biểu



Đinh Thị Hồng Vân
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 02 năm 2015




Tung Cam Meng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CAO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp theo)


	Miền Bắc	Miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng	Đơn vị tính: VND
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				313.593.923.815	
Tổng tài sản				313.593.923.815	
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				29.078.305.560	
Tổng nợ phải trả				29.078.305.560	
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				295.275.780.362	
Tổng tài sản				295.275.780.362	
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				37.185.173.077	
Tổng nợ phải trả				37.185.173.077	



Trịnh Thị Thanh Nhân
Người lập biểu



Đinh Thị Hồng Vân
Kế toán trưởng


TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 02 năm 2015
Yung Cam Meng
Tổng Giám đốc

